

Y, ngày 09 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Ông Vũ Đức L, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khu phố Tân Thành, TT Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 02/8/2022 bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Vũ Đức L xác lập Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với số tiền đặt cọc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ngày 25/4/2024 ông Vũ Đức L đã tự nguyện hoàn trả một phần số tiền đặt cọc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Số tiền đặt cọc còn lại là

70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Nay, Ông **Vũ Đức L** và bà **Nguyễn Thị Huyền T** tự thống nhất, thỏa thuận ông **Vũ Đức L** có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà **Nguyễn Thị Huyền T** số tiền đặt cọc còn lại là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Bà **Nguyễn Thị Huyền T** được nhận số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) từ ông **Vũ Đức L**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về Án phí, lệ phí:

Bà **Nguyễn Thị Huyền T** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 875.000đ (T1 trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0001531 ngày 04/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, bà **Nguyễn Thị Huyền T** được hoàn lại là 4.125.000đ (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ông **Vũ Đức L** phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 875.000đ (T1 trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà **Nguyễn Thị Huyền T** thỏa thuận nhận nộp toàn bộ số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng), xác nhận bà **Nguyễn Thị Huyền T** đã nộp đủ theo biên bản nộp tiền ngày 05/01/2024.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- THADS huyện Yên Thủy

THẨM PHÁN

- VKSND huyện Yên Thủy
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Trung Nghĩa